Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 7104.29.00

Mã HS	7104.29.00
Mô tả hàng hóa	Đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo, đã hoặc chưa gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm dát; đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo chưa phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển / - Loại khác, chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt đơn giản hoặc tạo hình thô: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 05:16:31
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/71042900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10676
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10676
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10676
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ10676
Thuế XK ưu đãi CPTPP	10	10%	115/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CM10676
Thuế XK ưu đãi EVFTA	10	10%	116/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CP10676
Thuế XK ưu đãi UKVFTA	10	10%	117/2022/NĐ-CP	2022-12-30	BT2026!CS10676

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10126
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10077
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10077
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10077
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10077
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10077
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10077
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E10129
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F10129
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G10129
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H10129

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I10129
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J10129
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10130
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10130
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10130
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10130
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10130
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10130
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10131
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10083
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F10089
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G10089
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H10089
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I10089
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J10089
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K10089
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10114
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10114
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10114
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10114
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10114
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10114
VCFTA	2022	2022	0	VC!D10167
VCFTA	2023	2023	0	VC!E10167
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10167
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10167

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10167
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10167
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10152
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10152
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10152
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10152
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10152
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10152
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10152
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10152
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10152
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10152
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10152
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10152
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10169
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10169
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10169
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10169
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10169
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10169
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10168
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10168
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10168
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10168
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10168
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10168

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10109
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10109
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10109
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10109
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10109
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10109
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10109
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10146
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10146
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10146
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10146
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10146
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10146
RCEP B	2022	2022	0	B!D10146
RCEP B	2023	2023	0	B!E10146
RCEP B	2024	2024	0	B!F10146
RCEP B	2025	2025	0	B!G10146
RCEP B	2026	2026	0	B!H10146
RCEP B	2027	2027	0	B!I10146
RCEP C	2022	2022	0	C!D10146
RCEP C	2023	2023	0	C!E10146
RCEP C	2024	2024	0	C!F10146
RCEP C	2025	2025	0	C!G10146
RCEP C	2026	2026	0	C!H10146
RCEP C	2027	2027	0	C!I10146
RCEP D	2022	2022	0	D!D10145

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E10145
RCEP D	2024	2024	0	D!F10145
RCEP D	2025	2025	0	D!G10145
RCEP D	2026	2026	0	D!H10145
RCEP D	2027	2027	0	D!I10145
RCEP E	2022	2022	0	E!D10149
RCEP E	2023	2023	0	E!E10149
RCEP E	2024	2024	0	E!F10149
RCEP E	2025	2025	0	E!G10149
RCEP E	2026	2026	0	E!H10149
RCEP E	2027	2027	0	E!I10149
RCEP F	2022	2022	0	F!D10146
RCEP F	2023	2023	0	F!E10146
RCEP F	2024	2024	0	F!F10146
RCEP F	2025	2025	0	F!G10146
RCEP F	2026	2026	0	F!H10146
RCEP F	2027	2027	0	F!I10146
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9384
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9384
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9384
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9384

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)		181/2025/NĐ-CP	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 7104.29.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 7104.29.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7104.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7104.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10676), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
TNKS khai thác đã chế biến thành SP khác (181/2025/NĐ-CP PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.